

**VN-Index 1630 (-0.65%)**

2171 Tr. cổ phiếu 59919.6 Tỷ VND (12.55%)

**HNX-Index 282.34 (-0.99%)**

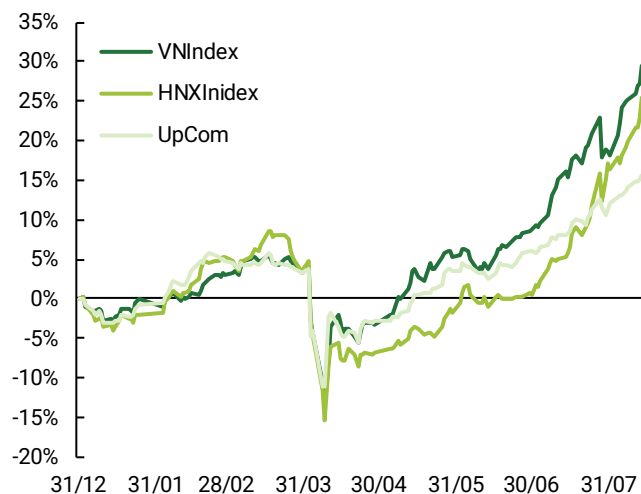
211 Tr. cổ phiếu 5021.9 Tỷ VND (22.28%)

**UPCOM-Index 109.61 (-0.31%)**

130 Tr. cổ phiếu 1484.3 Tỷ VND (-24.99%)

**VN30F1M 1781.00 (-0.67%)**

332,029 HD OI: 52,642 HD

**% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số**

**NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG**

- **Diễn biến:** Áp lực chốt lời tiếp tục chiếm ưu thế đẩy chỉ số đóng cửa trong sắc đỏ, phủ định một phần đà tăng của phiên trước. Sau giai đoạn đi lên tích cực, tâm lý giao dịch bắt đầu thận trọng hơn, trong bối cảnh những thông tin hỗ trợ dần được phản ánh. Mùa công bố KQKD Quý 2 cũng dần khép lại. Về diễn biến thương mại, sự chú ý hiện đang chuyển sang các cuộc đàm phán thương mại Mỹ-Trung tiếp theo. Với kế hoạch sẽ diễn ra trong hai đến ba tháng tới, có thể xác định tương lai mối quan hệ giữa hai cường quốc kinh tế.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Thanh khoản gia tăng với phe bán áp đảo. Độ rộng thị trường thu hẹp và dòng tiền trở lại phân hóa. Sắc xanh hạn chế, chỉ tập trung ở những cổ phiếu đơn lẻ, trong khi lực bán bao phủ rộng ở nhiều nhóm ngành. Nhóm Ngân hàng đóng vai trò nâng đỡ, nhưng thiếu đồng thuận. Giao dịch khởi sắc quan sát ở nhóm cổ phiếu liên quan Gelex (GEE, VIX, VSC, EIB...), và nhóm Dầu khí (BSR...). Trái lại, đa số nhóm ngành chịu áp lực điều chỉnh. Nhóm Bất động sản hạ nhiệt sau các phiên tăng nóng gây áp lực lên đà giảm. Thêm vào đó, nhóm Chứng khoán, Công nghệ, Nguyên vật liệu, Bán lẻ, cũng phản ứng kém. Về mặt tác động, giữ vai trò động lực là lực kéo từ VJC, MBB, BSR, VIX, trong khi, BID, VCB, CTG, TCB, kìm hãm. Khối ngoại bán ròng lớn hơn 3000 tỷ đồng, tập trung nhiều ở HPG, FPT, VPB, VCB.

**GÓC NHÌN KỸ THUẬT**

- **VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến che phủ hơn 1/2 đà tăng của phiên trước, cho thấy lực cung chi phối tại cản 1640. Độ rộng thị trường cũng suy giảm đáng kể khi đa số nhóm ngành chịu áp lực chốt lời. Điều này có thể khiến vận động chung kém bền vững và cần tích lũy thêm. Chỉ số khả năng trở lại kiểm định khoảng "gap tăng" trước đó, ứng với khu vực quanh 1615 - 1625 điểm. Nếu thị trường giữ dao động tốt trên vùng 1620, có thể kỳ vọng hướng tới mục tiêu tiếp theo là ngưỡng 1700 điểm. Ở chiều thận trọng, ngưỡng hỗ trợ duy trì xu hướng được nâng lên mức 1585 điểm.
- **Đối với HNX-Index**, áp lực bán cũng chi phối và đà giảm gần như phủ định nền tảng phiên trước. Vận động có lẽ cần được củng cố lại, với khả năng kiểm định hỗ trợ ngắn hạn quanh 275 - 280.
- **Chiến lược chung:** Dòng tiền đang phân hóa mạnh nên NĐT cần chú trọng vào danh mục đang nắm giữ để cơ cấu kịp thời. Ở chiều mua mới có thể theo dõi thêm phản ứng của các cổ phiếu khi trở về kiểm định hỗ trợ ngắn hạn. Các nhóm ưu tiên chú ý: Ngân hàng, Bất động sản, Chứng khoán, Đầu tư công, Tiềm ích (Điện), Bán lẻ.

**CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ**

Chốt lời PDR – Bán FOX (Xem tiếp tại trang 7)

Phái sinh (trang 10)

Nhận định thị trường | 1

### Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

| Chỉ số                      | % Thay đổi   |        |        |        | % Biến động giá trị giao dịch so với |                |                    |                     | % Biến động khối lượng giao dịch so với |                |                    |                     |
|-----------------------------|--------------|--------|--------|--------|--------------------------------------|----------------|--------------------|---------------------|-----------------------------------------|----------------|--------------------|---------------------|
|                             | Giá đóng cửa | (%) 1D | (%) 1W | (%) 1M | Giá trị giao dịch (Tỷ VND)           | 01 phiên trước | Trung bình 01 tuần | Trung bình 01 tháng | Khối lượng giao dịch (Triệu CP)         | 01 phiên trước | Trung bình 01 tuần | Trung bình 01 tháng |
| <b>Theo chỉ số</b>          |              |        |        |        |                                      |                |                    |                     |                                         |                |                    |                     |
| VN-Index                    | 1,630.0 ▼    | -0.7%  | 2.8%   | 11.6%  | 59,919.6 ▲                           | 12.5%          | 21.7%              | 72.3%               | 2,170.7 ▲                               | 13.2%          | 16.4%              | 52.9%               |
| HNX-Index                   | 282.3 ▼      | -1.0%  | 3.6%   | 17.5%  | 5,021.9 ▲                            | 22.3%          | -1.9%              | 84.4%               | 210.9 ▲                                 | 14.2%          | -4.1%              | 27.1%               |
| UPCOM-Index                 | 109.6 ▼      | -0.3%  | 1.0%   | 6.4%   | 1,484.3 ▼                            | -25.0%         | -21.5%             | -0.3%               | 129.6 ▲                                 | 15.4%          | -9.9%              | 41.8%               |
| VN30                        | 1,783.3 ▼    | -0.6%  | 3.1%   | 11.9%  | 29,528.0 ▲                           | 3.5%           | 27.1%              | 98.7%               | 826.1 ▲                                 | 3.0%           | 22.0%              | 69.5%               |
| VNMID                       | 2,546.1 ▼    | -0.3%  | 4.2%   | 19.9%  | 23,224.9 ▲                           | 21.4%          | 15.5%              | 46.6%               | 825.8 ▲                                 | 18.8%          | 4.6%               | 26.3%               |
| VNSML                       | 1,634.0 ▼    | -1.5%  | 0.9%   | 8.8%   | 4,629.2 ▲                            | 24.9%          | 14.9%              | 65.7%               | 284.9 ▲                                 | 25.4%          | 7.0%               | 48.3%               |
| <b>Theo ngành (VNIndex)</b> |              |        |        |        |                                      |                |                    |                     |                                         |                |                    |                     |
| Ngân hàng                   | 664.4 ▼      | -0.9%  | 6.3%   | 17.6%  | 18,542.0 ▬                           | 0.1%           | 34.6%              | 50.0%               | 648.8 ▼                                 | -2.8%          | 26.8%              | 32.1%               |
| Bất động sản                | 498.5 ▼      | -0.7%  | 2.7%   | 10.1%  | 8,057.5 ▲                            | 14.6%          | 11.1%              | 8.2%                | 326.9 ▲                                 | 15.4%          | 2.3%               | 2.9%                |
| Dịch vụ tài chính           | 373.2 ▬      | 0.6%   | 5.0%   | 27.8%  | 9,216.7 ▲                            | 17.1%          | 14.3%              | 17.7%               | 325.8 ▲                                 | 20.8%          | 11.9%              | 3.8%                |
| Công nghiệp                 | 263.7 ▬      | 0.2%   | 2.8%   | 19.7%  | 2,931.2 ▲                            | 24.6%          | -0.6%              | -2.1%               | 75.7 ▲                                  | 24.6%          | 0.6%               | -6.1%               |
| Tài nguyên cơ bản           | 555.7 ▼      | -0.8%  | -0.8%  | 9.7%   | 3,970.3 ▲                            | 39.2%          | 22.9%              | 35.5%               | 162.9 ▲                                 | 39.3%          | 20.6%              | 24.2%               |
| Xây dựng - Vật Liệu         | 201.1 ▬      | 0.3%   | 3.8%   | 2.1%   | 4,933.2 ▲                            | 48.2%          | 60.1%              | 83.1%               | 212.8 ▲                                 | 41.8%          | 45.7%              | 51.0%               |
| Thực phẩm                   | 558.0 ▼      | -1.3%  | 3.9%   | 7.2%   | 3,197.2 ▼                            | -0.9%          | -12.2%             | 2.8%                | 87.5 ▲                                  | 1.4%           | -9.8%              | 0.1%                |
| Bán Lẻ                      | 1,352.2 ▼    | -1.5%  | -1.4%  | 4.4%   | 1,194.3 ▼                            | -3.1%          | -11.5%             | -11.0%              | 19.5 ▲                                  | 1.9%           | -9.6%              | -11.0%              |
| Công nghệ                   | 540.8 ▼      | -2.4%  | -1.1%  | -4.4%  | 2,117.1 ▲                            | 1.2%           | 22.6%              | 64.0%               | 26.2 ▬                                  | 0.7%           | 13.5%              | 46.8%               |
| Hóa chất                    | 188.0 ▼      | -1.6%  | 2.6%   | 7.4%   | 1,378.9 ▲                            | 1.2%           | -12.3%             | -6.7%               | 37.8 ▼                                  | -0.1%          | -10.0%             | -5.5%               |
| Tiện ích                    | 688.9 ▼      | -0.8%  | 1.9%   | 4.0%   | 726.7 ▲                              | 20.7%          | 0.0%               | 15.7%               | 35.0 ▲                                  | 22.5%          | 1.8%               | 13.6%               |
| Dầu khí                     | 73.4 ▲       | 4.2%   | 3.5%   | 13.2%  | 1,501.4 ▲                            | 130.2%         | 63.0%              | 122.3%              | 58.4 ▲                                  | 113.9%         | 53.2%              | 98.5%               |
| Dược phẩm                   | 428.5 ▬      | 0.3%   | 0.3%   | 1.6%   | 113.6 ▲                              | 40.0%          | 26.1%              | 30.9%               | 6.4 ▲                                   | 21.5%          | -1.2%              | -8.5%               |
| Bảo hiểm                    | 101.6 ▲      | 1.2%   | 16.0%  | 15.1%  | 224.0 ▬                              | 0.9%           | 42.5%              | 170.9%              | 5.2 ▲                                   | 3.3%           | 27.6%              | 124.5%              |

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

**Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới**

| Chỉ số              | Thị trường  | Giá đóng cửa | % Thay đổi giá |        | Chỉ số định giá |      |
|---------------------|-------------|--------------|----------------|--------|-----------------|------|
|                     |             |              | 1 ngày         | YTD    | P/E             | P/B  |
| VN-Index            | Việt Nam    | 1,630.0 ▼    | -0.7%          | 28.7%  | 15.6x           | 2.0x |
| SET-Index           | Thái Lan    | 1,259 ▼      | -0.6%          | -10.1% | 13.0x           | 1.2x |
| JCI-Index           | Indonesia   | 7,898 ▼      | -0.4%          | 11.6%  | 6.7x            | 2.1x |
| FTSE Bursa Malaysia | Malaysia    | 11,731 ▼     | -0.3%          | -6.8%  | 15.1x           | 1.3x |
| PSEi Index          | Phillipines | 6,316 ▬      | 0.4%           | -3.3%  | 10.9x           | 1.3x |
| Shanghai Composite  | Trung Quốc  | 3,697 ▬      | 0.8%           | 10.3%  | 18.0x           | 1.5x |
| Hang Seng           | Hồng Kông   | 25,270 ▼     | -1.0%          | 26.0%  | 12.0x           | 1.4x |
| Nikkei 225          | Nhật Bản    | 43,378 ▲     | 1.7%           | 8.7%   | 20.2x           | 2.3x |
| S&P 500             | Mỹ          | 6,469 ▬      | 0.03%          | 10.0%  | 27.4x           | 5.5x |
| Dow Jones           | Mỹ          | 44,911 ▼     | -0.02%         | 5.6%   | 24.9x           | 5.5x |
| FTSE 100            | Anh         | 9,187 ▬      | 0.1%           | 12.4%  | 14.1x           | 2.1x |
| Euro Stoxx 50       | Châu Âu     | 5,446 ▬      | 0.2%           | 11.2%  | 16.8x           | 2.3x |
|                     |             |              |                |        |                 |      |
| DXV                 |             | 98 ▬         | 0.02%          | -9.8%  |                 |      |
| USDVND              |             | 26,273 ▬     | 0.01%          | 3.1%   |                 |      |

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

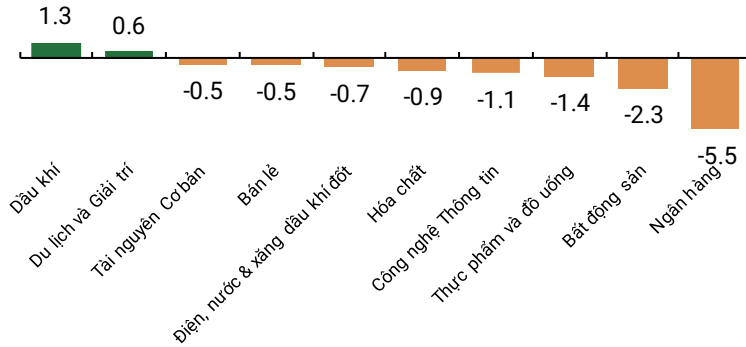
**Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu**

| Giá/ Chỉ số hàng hóa      |   | % Thay đổi giá |        |        |        |
|---------------------------|---|----------------|--------|--------|--------|
|                           |   | 1D             | 1M     | % YTD  | % YoY  |
| Dầu Brent                 | ▼ | -0.6%          | -3.3%  | -11.0% | -18.0% |
| Dầu WTI                   | ▲ | 1.2%           | -4.7%  | -11.6% | -18.9% |
| Khí gas                   | ▲ | 1.8%           | -18.3% | -20.7% | 31.1%  |
| Than cốc (*)              | ▲ | 3.6%           | 26.3%  | -10.6% | -18.6% |
| Thép HRC (*)              | ▼ | -0.9%          | 5.6%   | 0.3%   | 10.0%  |
| PVC (*)                   | ▼ | -2.7%          | 2.1%   | -2.9%  | -12.3% |
| Phân Urea (*)             | ▲ | 1.8%           | 9.2%   | 36.2%  | 46.3%  |
| Cao su thiên nhiên        | ▲ | 1.1%           | 3.1%   | -13.2% | -1.0%  |
| Bông Cotton               | ▼ | -0.4%          | -1.5%  | -3.3%  | -0.3%  |
| Đường                     | ▼ | -2.1%          | -0.4%  | -14.3% | -7.7%  |
| World Container Index     | ▼ | -3.1%          | -12.1% | -38.2% | -56.7% |
| Baltic Dirty tanker Index | ▬ | 0.8%           | 9.9%   | 9.9%   | 9.8%   |
|                           |   |                |        |        |        |
| Vàng                      | ▼ | -0.5%          | 0.5%   | 27.3%  | 36.0%  |
| Bạc                       | ▼ | -1.7%          | 0.4%   | 31.0%  | 33.5%  |

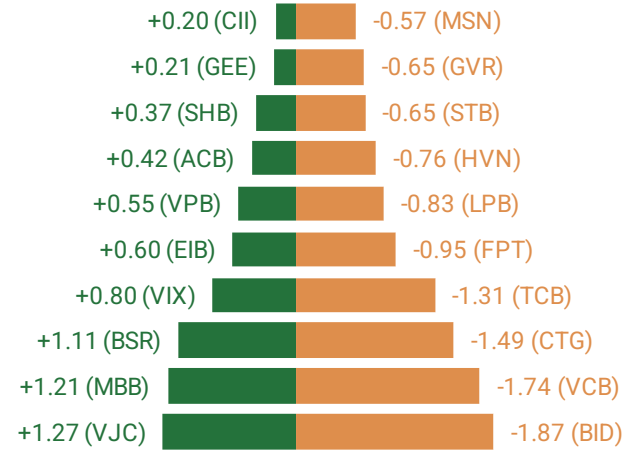
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (\*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

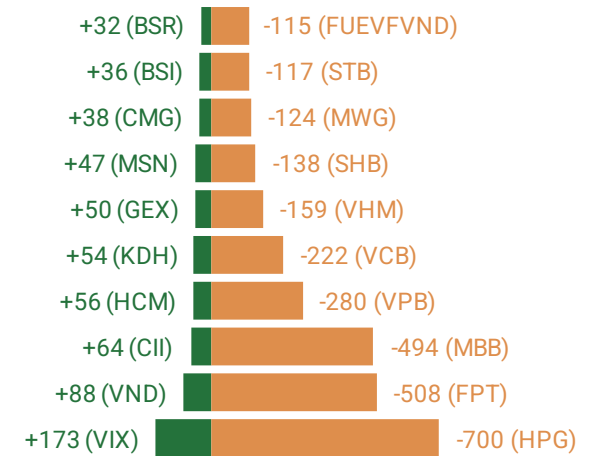
### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



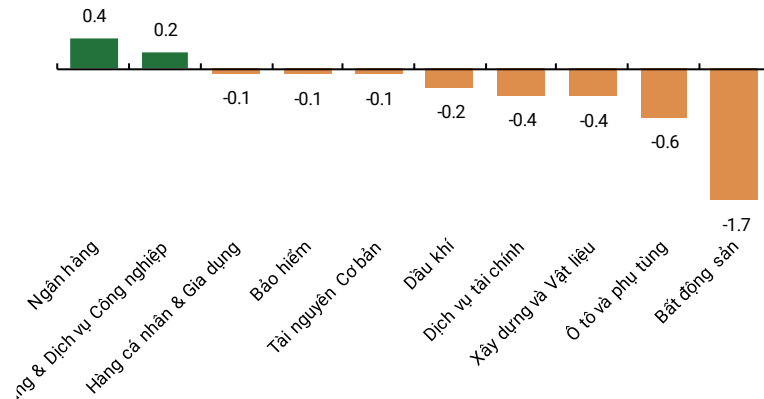
### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



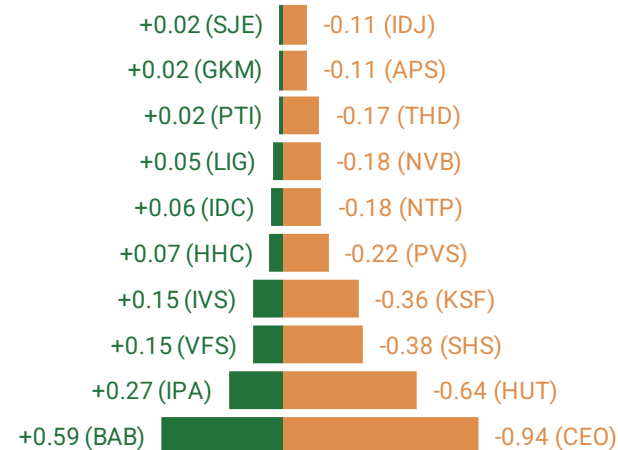
### TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



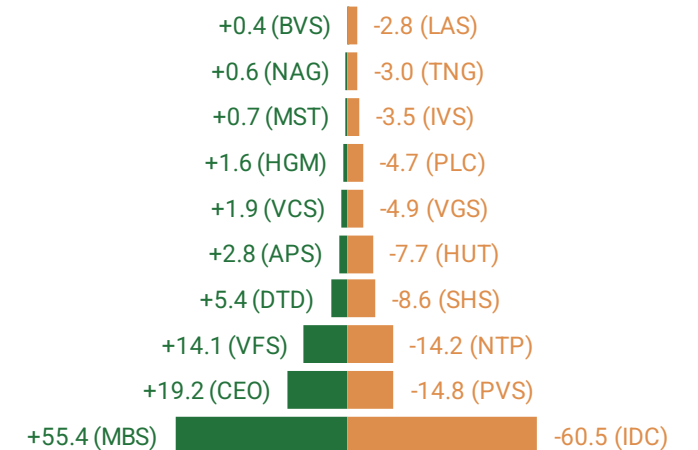
### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



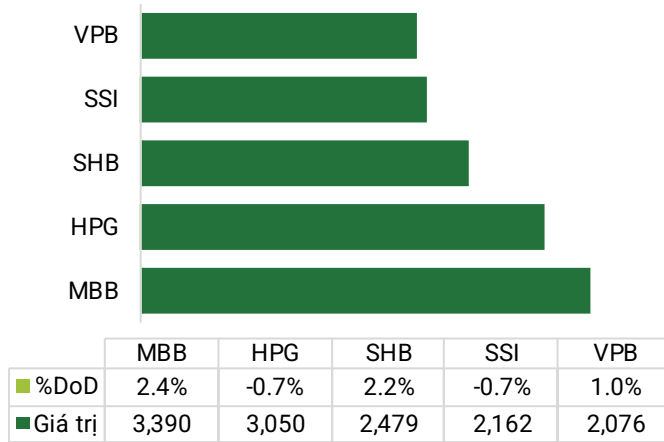
### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



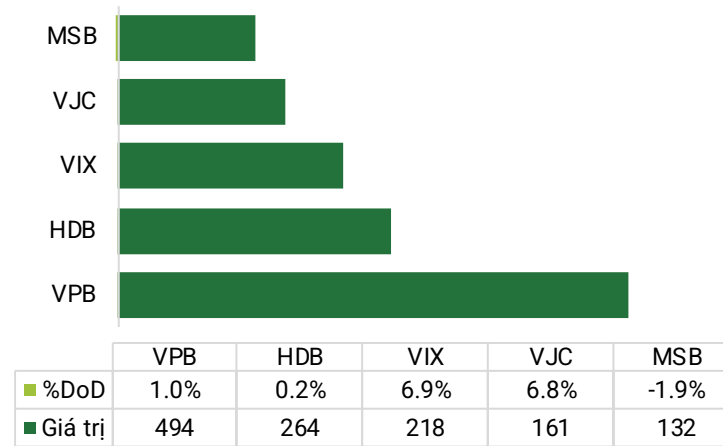
### TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX

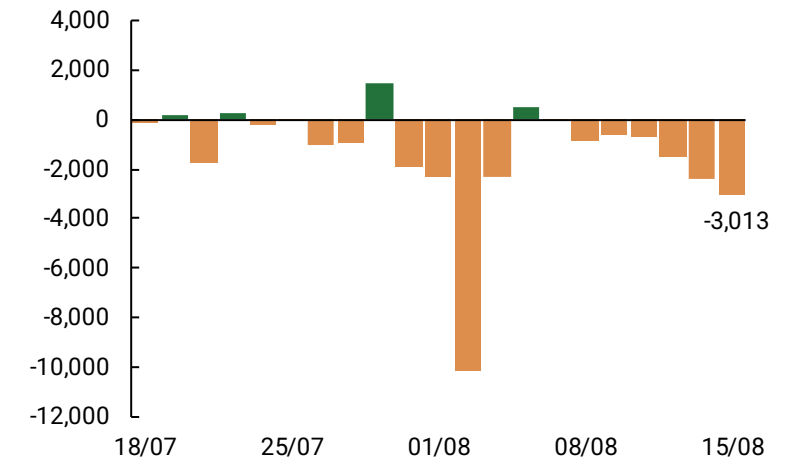


### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX

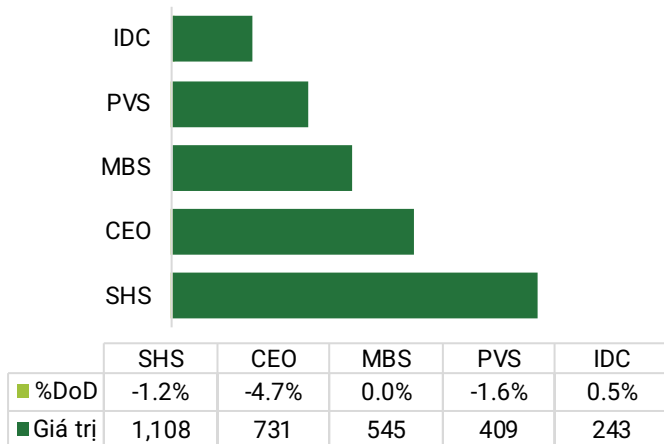


## BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

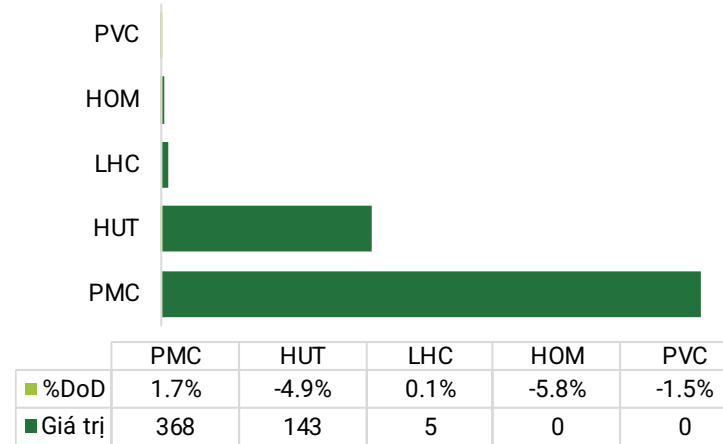
### GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



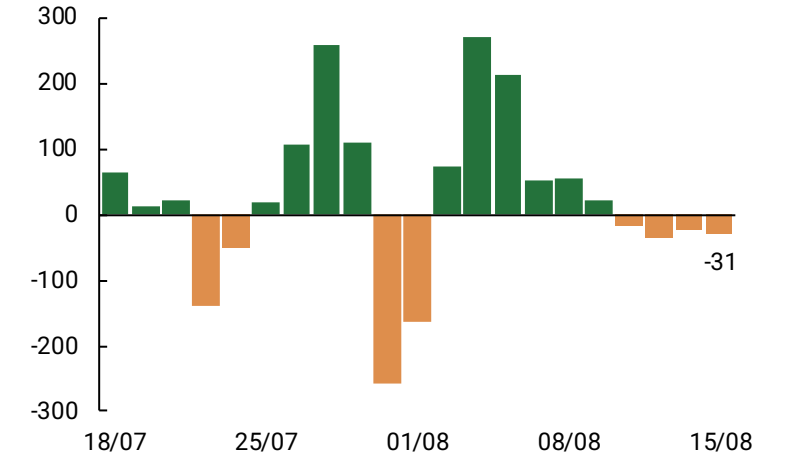
### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



### GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





### Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Dark cloud cover, vol tăng.
- ✓ Hỗ trợ: 1575 – 1600.
- ✓ Kháng cự: 1640.
- ✓ Chỉ báo RSI hạ nhiệt.
- ✓ Xu hướng: Củng cố nền giá trên 1620.

**Kịch bản:** VN-Index tạo mẫu hình nến mây đen che phủ, cho thấy lực cung chi phối tại vùng giá cao, cùng với thanh khoản gia tăng. **Điều này cho thấy vận động khả năng lùi về kiểm định lại khoảng “gap tăng” trước đó, ứng với vùng cận 1620 điểm.** Nếu lực cầu hấp thụ tốt, có thể kỳ vọng chỉ số tái tích lũy trở lại. Hỗ trợ ngắn hạn được nâng lên vùng tâm lý 1600 điểm.



### Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Dark cloud cover, vol tăng.
- ✓ Hỗ trợ: 1700 - 1720.
- ✓ Kháng cự: 1800.
- ✓ Chỉ báo RSI hạ nhiệt.
- ✓ Xu hướng: Kiểm định ngưỡng 1800.

➔ Chỉ số bật tăng trên ngưỡng 1800 điểm nhưng đã mất đà sau đó và đóng cửa lùi về sắc đỏ. Điều này hàm ý lực cung chi phối mạnh tại cản. Vận động có thể hạ nhiệt về quanh mức 1760 điểm để kiểm định lực cầu, trước khi có thể quay lại chinh phục ngưỡng 1800 điểm. Hỗ trợ ngắn hạn được nâng lên mốc tâm lý 1700 điểm.

| STOCK    |                                   | STRATEGY           | Technical                |             |              | Financial Ratio  |        |
|----------|-----------------------------------|--------------------|--------------------------|-------------|--------------|------------------|--------|
| Ticker   | <b>PDR</b>                        | <b>TAKE PROFIT</b> | Current price            | <b>24</b>   |              | P/E (x)          | 135.9  |
| Exchange | HOSE                              |                    | Action price             | <b>19.2</b> | <b>25.0%</b> | P/B (x)          | 2.0    |
| Sector   | Real Estate Holding & Development |                    | Take profit price (18/8) | <b>24</b>   | <b>25.0%</b> | EPS              | 176.6  |
|          |                                   |                    |                          |             |              | ROE              | 1.5%   |
|          |                                   |                    |                          |             |              | Stock Rating     | B      |
|          |                                   |                    |                          |             |              | Scale Market Cap | Medium |



## TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá suy yếu khi tiếp cận vùng cản mục tiêu 24.
  - Thanh khoản giảm cho thấy lực cầu mua lên vùng giá cao suy giảm.
  - Chỉ báo RSI hạ nhiệt trên mức quá mua, cho thấy khả năng tạo đỉnh, trong khi MACD cũng có dấu hiệu thu hẹp với đường tín hiệu.
- ➔ Xu hướng có thể điều chỉnh để củng cố lại đà.
- ➔ KN Chốt lời quanh giá hiện tại hoặc tận dụng rung lắc trong phiên.

| STOCK    |                                  | STRATEGY    | Technical            |                        | Financial Ratio  |        |
|----------|----------------------------------|-------------|----------------------|------------------------|------------------|--------|
| Ticker   | <b>FOX</b>                       | <b>SELL</b> | Current price        | <b>71.00</b>           | P/E (x)          | 17.1   |
| Exchange | UPCoM                            |             | Action price         | <b>74</b> <b>-4.1%</b> | P/B (x)          | 5.7    |
| Sector   | Fixed Line<br>Telecommunications |             | Selling price (18/8) | <b>71.00</b>           | EPS              | 4150.9 |
|          |                                  |             |                      |                        | ROE              | 30.9%  |
|          |                                  |             |                      |                        | Stock Rating     | BBB    |
|          |                                  |             |                      |                        | Scale Market Cap | Medium |



### TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá phủ định nền tăng ngày 07/08.
  - Thanh khoản cũng tăng trong chiều hướng suy giảm cho thấy lực cung chủ động.
  - Chỉ báo RSI giảm xuống dưới mức trung bình 50, trong khi MACD đã cắt xuống trở lại đường tín hiệu, biểu thị động lượng suy yếu.
- ➔ Nhịp bật tăng bị vi phạm và giá khả năng trở lại pha điều chỉnh.
- ➔ KN Bán quanh giá hiện tại hoặc tận dụng rung lắc trong phiên.



### Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Ghi chú                       |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|-------------------------------|
| 1   | PDR   | Chốt lời    | 18/08/2025       | 24.0         | 19.20         | 25.0%          | 24.0         | 25.0%      | 20.6       | 7.3%       | Suy yếu tại vùng giá mục tiêu |
| 2   | FOX   | Bán         | 18/08/2025       | 71.00        | 74.00         | -4.1%          | 85.0         | 14.9%      | 69         | -6.8%      | Vi phạm đà tăng               |

### Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Ngày cập nhật | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Ghi chú                             |
|-----|-------|-------------|------------------|---------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|-------------------------------------|
| 1   | POW   | Nắm giữ     | 13/06/2025       | 13/08/2025    | 15.85        | 12.9          | 22.9%          | 17.5         | 35.7%      | 14.5       | 12.4%      | Nâng giá mục tiêu 17.5, cắt lỗ 14.5 |
| 2   | CMG   | Nắm giữ     | 30/06/2025       | 14/08/2025    | 44.30        | 39.05         | 13.4%          | 47           | 20.4%      | 40.5       | 3.7%       | Nâng giá mục tiêu 47, cắt lỗ 40.5   |
| 3   | PVS   | Nắm giữ     | 15/07/2025       | 13/08/2025    | 36.90        | 33.30         | 10.8%          | 40           | 20.1%      | 36         | 8%         | Nâng giá mục tiêu 40, cắt lỗ 36     |
| 4   | PC1   | Nắm giữ     | 17/07/2025       | 12/08/2025    | 28.45        | 23.0          | 24.0%          | 29           | 26.4%      | 25.0       | 9%         | Nâng giá mục tiêu 29, cắt lỗ 25     |
| 5   | SHB   | Nắm giữ     | 21/07/2025       | 05/08/2025    | 20.85        | 14.2          | 46.8%          | 20           | 40.8%      | 16.8       | 18%        | Nâng giá mục tiêu 20, cắt lỗ 16.8   |
| 6   | GVR   | Mua         | 01/08/2025       | -             | 31.40        | 30.1          | 4.3%           | 34           | 13%        | 28         | -7%        |                                     |
| 7   | YEG   | Mua         | 04/08/2025       | -             | 14.90        | 13.9          | 7.2%           | 16           | 15.1%      | 12.9       | -7%        |                                     |
| 8   | KSB   | Mua         | 05/08/2025       | -             | 19.70        | 19.35         | 1.8%           | 22           | 14%        | 18         | -7%        |                                     |
| 9   | PLC   | Mua         | 08/08/2025       | -             | 29.00        | 28.8          | 0.7%           | 34           | 18.1%      | 26.6       | -8%        |                                     |
| 10  | IJC   | Mua         | 11/08/2025       | -             | 14.10        | 13.9          | 1.4%           | 16           | 15%        | 12.9       | -7%        |                                     |
| 11  | SGP   | Mua         | 12/08/2025       | -             | 29.66        | 28.8          | 3.0%           | 32.5         | 13%        | 27         | -6%        |                                     |
| 12  | VGT   | Mua         | 13/08/2025       | -             | 12.89        | 13.1          | -1.6%          | 15           | 15%        | 12.2       | -7%        |                                     |
| 13  | FTS   | Mua         | 14/08/2025       | -             | 41.2         | 42.45         | -2.9%          | 48           | 13%        | 39.5       | -7%        |                                     |
| 14  | ACB   | Mua         | 15/08/2025       | -             | 26.6         | 26.2          | 1.3%           | 30           | 15%        | 24         | -8%        |                                     |



### Tín hiệu kỹ thuật

- Ở đồ thị 15 phút, hợp đồng 4111F8000 mở cửa tạo “gap tăng” đầu phiên do theo phản ứng khởi sắc của VN30, nhưng vận động đã mất đà sau đó với phe bán chiếm ưu thế. Mặc dù nỗ lực phục hồi khi gần kết phiên, nhưng phần thắng vẫn nghiêng về bên Short.
- Giá quay lại vùng kiểm định 1775 – 1785. Chỉ báo RSI suy yếu dưới mức trung bình, trong khi MACD cũng cắt xuống đường tín hiệu, cho thấy động lượng tăng suy yếu. Dù vậy, với mẫu hình nến có bóng dưới dài, hàm ý lực cầu bắt đáy có thể tiếp tục duy trì, thúc đẩy hồi kỹ thuật.
- Nếu xuất hiện nhịp hồi kỹ thuật, vị thế Short có thể theo dõi phản ứng tại vùng cản 1785 – 1790, hoặc có thể tham gia khi vận động tiếp tục suy yếu và sập gãy ngưỡng 1775. Vị thế Long cần nhắc khi giá xác nhận thoát khỏi pha điều chỉnh, ứng với giao dịch trên ngưỡng 1794.

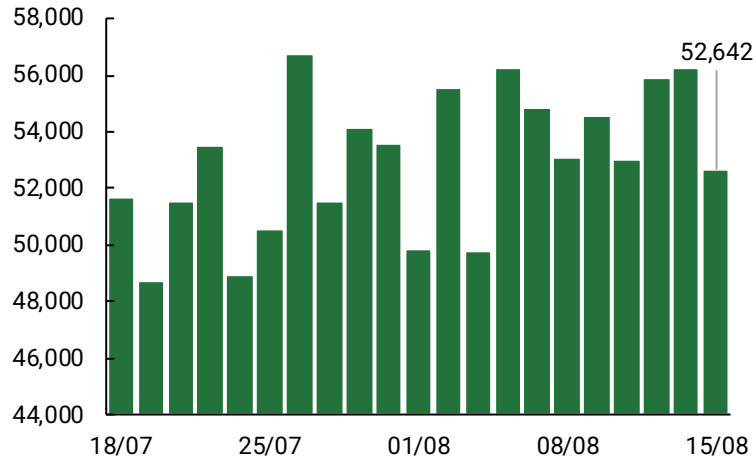
### Chiến lược giao dịch trong ngày

| Vị thế | Điểm vào | Chốt lời | Cắt lỗ | Lợi nhuận/<br>Rủi ro |
|--------|----------|----------|--------|----------------------|
| Long   | > 1.794  | 1.805    | 1.789  | 11 : 5               |
| Short  | < 1.788  | 1.776    | 1.793  | 12 : 5               |
| Short  | < 1.774  | 1.760    | 1.780  | 14 : 6               |

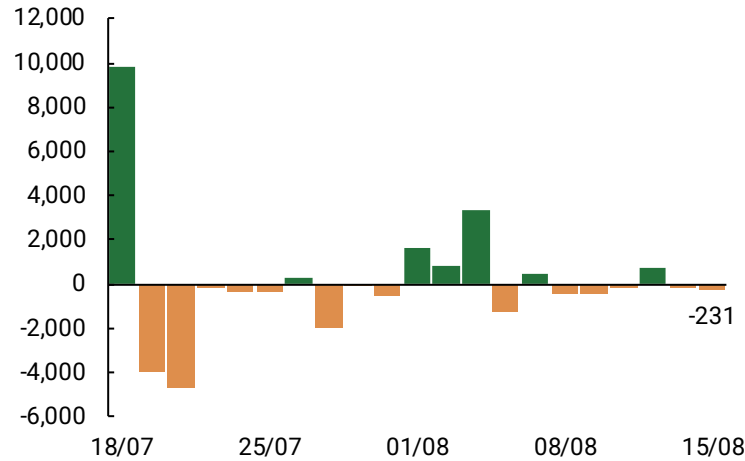
### Thông kê hợp đồng tương lai

| Mã hợp đồng | Giá đóng cửa | Thay đổi<br>(điểm) | KL giao dịch | KL Mở  | Giá lý thuyết | Chênh lệch | Ngày thanh<br>toán | Thời hạn còn lại (ngày) |
|-------------|--------------|--------------------|--------------|--------|---------------|------------|--------------------|-------------------------|
| VN30 Index  | 1,783.3      | -10.5              |              |        |               |            |                    |                         |
| 4111F8000   | 1,781.0      | -12.0              | 332,029      | 52,642 | 1,783.5       | -2.5       | 21/08/2025         | 6                       |
| 4111G3000   | 1,755.1      | -0.3               | 114          | 192    | 1,792.4       | -37.3      | 19/03/2026         | 216                     |
| VN30F2509   | 1,774.4      | -5.6               | 3,769        | 6,764  | 1,784.7       | -10.3      | 18/09/2025         | 34                      |
| VN30F2512   | 1,758.8      | -1.2               | 202          | 608    | 1,788.5       | -29.7      | 18/12/2025         | 125                     |

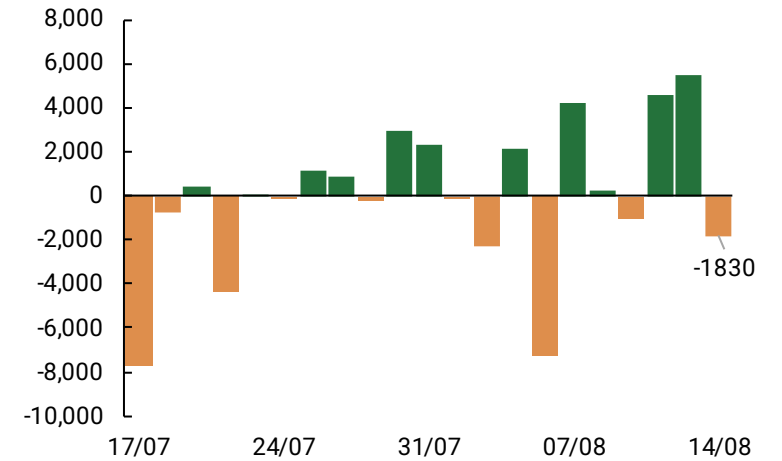
**Khối lượng mở (Open interest)**



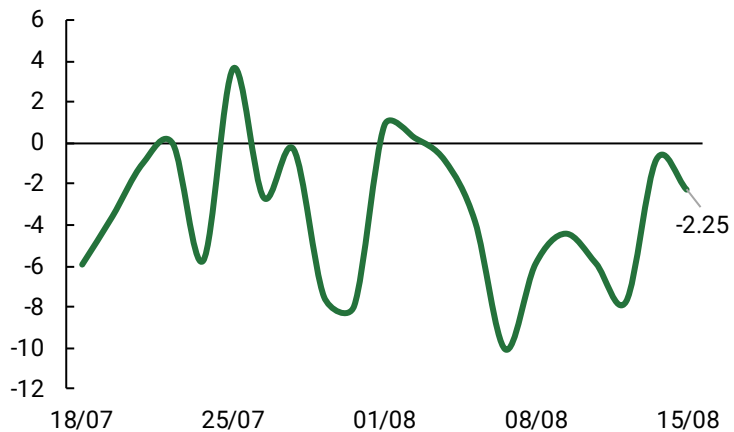
**Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)**



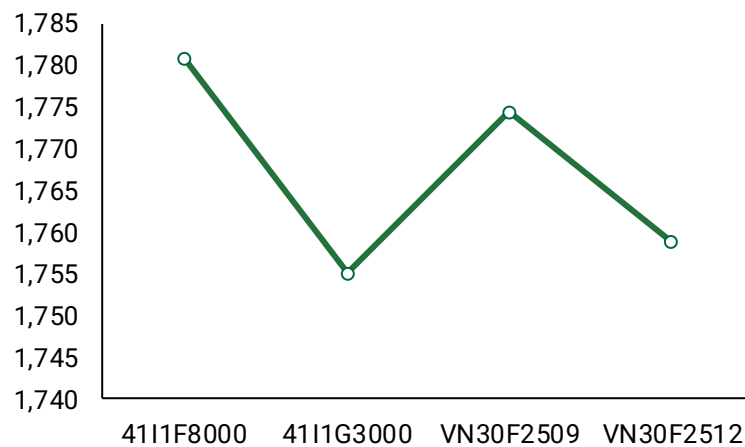
**Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)**



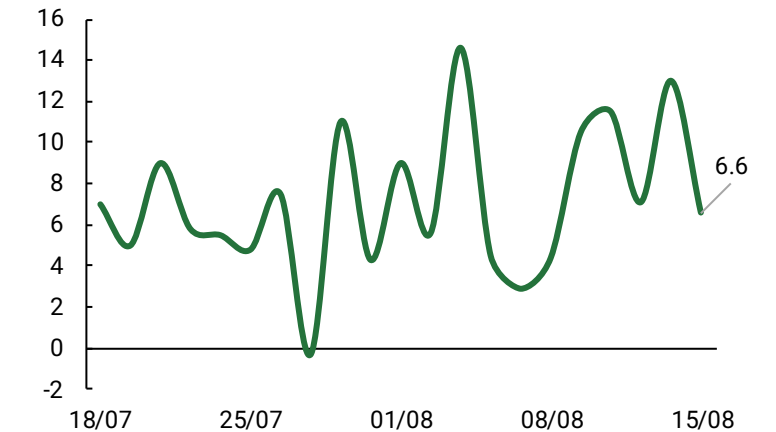
**Basis hợp đồng tương lai**



**Đường cong hợp đồng tương lai**



**VN30F1M – VN30F2M**



| Mã CK | Thị giá | Giá hợp lý * | Upside/<br>Downside | Khuyến nghị   |
|-------|---------|--------------|---------------------|---------------|
| AST   | 68,100  | 67,900       | -0.3%               | Giảm tỷ trọng |
| CTI   | 27,000  | 27,200       | 0.7%                | Nắm giữ       |
| DBD   | 54,900  | 68,000       | 23.9%               | Mua           |
| DDV   | 33,016  | 37,800       | 14.5%               | Tăng tỷ trọng |
| DGC   | 103,600 | 102,300      | -1.3%               | Giảm tỷ trọng |
| DGW   | 45,400  | 48,000       | 5.7%                | Nắm giữ       |
| DPR   | 41,000  | 43,500       | 6.1%                | Nắm giữ       |
| DRI   | 12,630  | 18,000       | 42.5%               | Mua           |
| EVF   | 15,600  | 14,400       | -7.7%               | Giảm tỷ trọng |
| GMD   | 59,700  | 68,100       | 14.1%               | Tăng tỷ trọng |
| HAH   | 61,900  | 67,600       | 9.2%                | Nắm giữ       |
| HHV   | 14,750  | 12,600       | -14.6%              | Bán           |
| HPG   | 28,000  | 30,900       | 10.4%               | Tăng tỷ trọng |
| IMP   | 55,000  | 55,000       | 0.0%                | Nắm giữ       |

| Mã CK | Thị giá | Giá hợp lý * | Upside/<br>Downside | Khuyến nghị   |
|-------|---------|--------------|---------------------|---------------|
| MBB   | 28,250  | 22,700       | -19.6%              | Bán           |
| MSH   | 37,450  | 47,100       | 25.8%               | Mua           |
| MWG   | 70,500  | 74,600       | 5.8%                | Nắm giữ       |
| PHR   | 61,100  | 72,800       | 19.1%               | Tăng tỷ trọng |
| PNJ   | 86,200  | 96,800       | 12.3%               | Tăng tỷ trọng |
| PVT   | 18,700  | 18,900       | 1.1%                | Nắm giữ       |
| SAB   | 47,500  | 59,900       | 26.1%               | Mua           |
| TCB   | 37,600  | 36,650       | -2.5%               | Giảm tỷ trọng |
| TCM   | 31,500  | 38,400       | 21.9%               | Mua           |
| TRC   | 66,300  | 94,500       | 42.5%               | Mua           |
| VCG   | 26,950  | 26,200       | -2.8%               | Giảm tỷ trọng |
| VHC   | 59,000  | 62,000       | 5.1%                | Nắm giữ       |
| VNM   | 61,000  | 69,500       | 13.9%               | Tăng tỷ trọng |
| VSC   | 33,850  | 17,900       | -47.1%              | Bán           |

\* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

## THÔNG TIN VĨ MÔ

**Ấn Độ chính thức áp thuế chống bán phá giá với một số sản phẩm thép từ Việt Nam:** Theo Reuters, ngày 14/8, Bộ Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ thông báo áp thuế chống bán phá giá đối với một số sản phẩm thép phẳng cán nóng – hợp kim hoặc không hợp kim nhập khẩu từ Việt Nam. Đây là kết quả sau gần một năm tiến hành điều tra, nhằm phân tích mối đe dọa và thiệt hại đối với ngành thép nội địa.

**Loạt điều kiện thuận lợi thúc đẩy Đà Nẵng trở thành trung tâm tài sản số khu vực:** Tại Dự thảo Nghị định về thành lập Trung tâm tài chính quốc tế mới đây, Bộ Tài chính đề xuất đặt Trung tâm tài chính quốc tế tại TP.Đà Nẵng sẽ tập trung phát triển các lĩnh vực tài chính xanh, tài chính thương mại. Đáng chú ý, đây cũng sẽ là khu vực thử nghiệm có kiểm soát một số mô hình mới như tài sản số, tiền số, thanh toán, chuyển tiền kỹ thuật số; thành lập các sàn giao dịch, nền tảng giao dịch mới; thu hút các quỹ đầu tư, quỹ kiều hối, công ty quản lý quỹ vừa và nhỏ.

**Heo chết vì dịch tả châu Phi tăng mạnh ở Đồng Nai:** Sáng 14-8, UBND tỉnh Đồng Nai đã tổ chức hội nghị trực tuyến với các xã phường trên địa bàn tỉnh về công tác phòng, chống dịch tả heo châu Phi. Từ đầu năm 2025 đến ngày 10-8, toàn tỉnh Đồng Nai đã phát hiện 24 ổ dịch tả heo châu Phi thuộc địa bàn 20 xã, tiêu hủy 4.115 con heo bệnh, chết. So với cùng kỳ năm ngoái, số ổ dịch tăng 187,5%, số heo chết và tiêu hủy tăng hơn 718%.

## THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

**Hai mã FPT và HCM bất ngờ lọt rổ chỉ số cận biên lớn nhất của MSCI:** MSCI vừa công bố danh sách review tháng 8/2025 với bộ chỉ số quan trọng nhất của thị trường cận biên MSCI Frontier Markets Index. Theo đó, MSCI Frontier Market Index bổ sung tổng cộng 9 mã cổ phiếu và loại ra 4 mã. Trong đó, 2 mã cổ phiếu Việt Nam được thêm mới là FPT và HCM, ngược lại mã SJS bị loại. Tại ngày 31/7, Việt Nam vẫn là quốc gia chiếm tỷ trọng cao nhất trong rổ chỉ số của MSCI Frontier Market Index với tỷ lệ 26,11%.

**CMG - Ông lớn CMC và Samsung hợp tác phát triển siêu trung tâm dữ liệu 1 tỷ USD tại Việt Nam:** Ngày 12/8, tại Seoul (Hàn Quốc), trong khuôn khổ Diễn đàn Kinh tế Việt Nam – Hàn Quốc, Tập đoàn Công nghệ CMC (CMG) và Samsung C&T đã ký kết Biên bản ghi nhớ (MOU) hợp tác chiến lược. Theo thỏa thuận, hai bên sẽ cùng triển khai dự án Trung tâm dữ liệu siêu quy mô (Hyperscale Data Center) của CMC tại Khu Công nghệ cao TP. HCM, với tổng vốn đầu tư dự kiến khoảng 1 tỷ USD.

**VHM - Vinhomes muốn phát hành tối đa 15 ngàn tỷ đồng trái phiếu:** Ngày 12/08/2025, HĐQT CTCP Vinhomes đã phê duyệt việc chào bán và phát hành trái phiếu riêng lẻ với tổng mệnh giá chào bán tối đa 8 ngàn tỷ đồng và 7 ngàn tỷ đồng. Đây sẽ là các lô trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, lãi suất cố định và có bảo đảm bằng tài sản thuộc sở hữu của Tập đoàn Vingroup hoặc Vinhomes và bên thứ ba. Kỳ hạn dự kiến tối đa 42 và 39 tháng kể từ ngày phát hành.

**NAF - Nafoods được ngân hàng tại Hà Lan tài trợ 20 triệu USD:** Sáng 15/08 tại TPHCM, Nafoods Group và Ngân hàng Phát triển Doanh nghiệp Hà Lan (FMO) chính thức ký kết hợp đồng tài trợ trị giá 20 triệu USD, với mục tiêu đồng hành phát triển mô hình nông nghiệp xanh, bền vững và số hóa. Đây là khoản tài trợ lớn đầu tiên của FMO trong lĩnh vực chế biến nông sản tại Việt Nam, đồng thời đánh dấu cột mốc đáng chú ý trong hành trình 30 năm Nafoods. Theo hợp tác vừa ký, Nafoods sẽ phân bổ nguồn vốn gồm: 12.5 triệu USD mở rộng công suất chế biến sâu tại các nhà máy; 2.5 triệu USD đầu tư các chương trình ESG giảm phát thải và thích ứng biến đổi khí hậu; 5 triệu USD bổ sung vốn lưu động dài hạn.

|       |                                                                                         |
|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------|
| 01/08 | Việt Nam & Mỹ – Chỉ số PMI<br>Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp        |
| 06/08 | Việt Nam – Số liệu kinh tế VN tháng 7 và 7 tháng                                        |
| 12/08 | Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng CPI tháng 7<br>Việt Nam - MSCI công bố đảo danh mục           |
| 14/08 | Mỹ - Chỉ số giá sản xuất PPI tháng 7                                                    |
| 15/08 | Mỹ - Doanh số bán lẻ MoM                                                                |
| 20/08 | Trung Quốc – Lãi suất cho vay cơ bản                                                    |
| 21/08 | Việt Nam – Đáo hạn phái sinh<br>Mỹ - Hợp FOMC                                           |
| 28/08 | Mỹ – Số điều chỉnh GDP                                                                  |
| 29/08 | Việt Nam - Quỹ ETF liên quan MSCI thực hiện tái cơ cấu danh mục<br>Mỹ - Chỉ số core PCE |
| 31/08 | Trung Quốc – PMI sản xuất                                                               |

### **Đảm bảo phân tích**

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

### **Định nghĩa xếp loại**

**MUA:** Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

**TĂNG TỶ TRỌNG:** Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

**NẮM GIỮ:** Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

**BÁN:** Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

**GIẢM TỶ TRỌNG:** Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

**KHÔNG XẾP HẠNG:** Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

### **Miễn trừ trách nhiệm**

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

### **© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)**

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

#### **Chi nhánh Quận 1**

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

#### **Chi nhánh Thanh Xuân**

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

#### **Chi nhánh Quận 3**

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

#### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

#### **Chi nhánh Tân Bình**

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415